

KHẢO CỔ HỌC VỚI VIỆC PHÁT LỘ DẤU TÍCH NỀN MÓNG KIẾN TRÚC MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ

NGUYỄN VĂN TIẾN

Tóm tắt

Trong những năm vừa qua, ngành Khảo cổ học đã có nhiều đóng góp cho việc phát hiện và làm phát lộ nhiều di tích và phế tích các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn cả nước. Có thể nói, những phát hiện mới này có một tầm quan trọng đặc biệt, không những đóng góp cho công tác tìm kiếm mà còn cung cấp cho các nhà bảo tồn, các nhà khoa học liên ngành những chứng cứ, cứ liệu quan trọng để phục hồi, phục dựng những di tích, trong đó có những di tích có tầm quan trọng đặc biệt của quốc gia. Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu về những thành tựu của ngành Khảo cổ học đối với công tác phát hiện và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hoá ở Việt Nam.

Từ khóa: Khảo cổ, dấu tích, kiến trúc, phát lộ.

Abstract

In recent years, archeology has had many contributions to the discovery of many monuments and ruins of historical-cultural monuments all over the country. It can be said that the new findings have special importance which not only contribute to the searching activities, but also provide conservatists and scientists with important evidence for rehabilitation, reconstruction of the ruins of which there are many national ruins with special importance. In this article, we would like to introduce the achievements of archeology for the discovery and preservation of historical-cultural monuments in Vietnam.

Keyword: Archeology, vestige, architecture, discovery.

Di tích lịch sử - văn hoá là những dấu tích, dấu vết hoạt động của con người trong quá trình lịch sử còn sót lại. Ở đó, người ta đã khai thác chúng như một nguồn sử liệu vật chất quan trọng. Nguồn sử liệu trực tiếp từ các di tích thông qua các di vật đã cung cấp cho chúng ta không ít những thông tin từ hoạt động của con người trong quá khứ trong khi nhiều loại hình sử liệu khác (như sử liệu dân tộc học, sử liệu hình ảnh, sử liệu ngôn ngữ học, sử liệu truyền miệng, sử liệu chữ viết) không lưu lại được. Ở nước ta, các di tích lịch sử - văn hoá lại luôn bị môi

trường nhiệt đới nóng ẩm, chiến tranh và sự vô ý thức của con người huỷ hoại, do vậy, nguồn sử liệu này luôn đứng trước những nguy cơ bị mất đi vĩnh viễn. Trong quá khứ đã có những di tích bị huỷ hoại do chiến tranh như các di tích cung điện trong khu di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, khu di tích Thành nhà Hồ ở Thanh Hoá. Lại có những di tích bị huỷ hoại do thời gian như chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc ở Hải Dương, di tích chùa Báo Ân ở Dương Xá (Gia Lâm, Hà Nội), khu di tích Lam Kinh ở Lam Sơn - Thanh Hoá. Theo cùng với biến đổi của thời gian, nhiều di tích có niên đại khởi dựng

từ rất sớm nay chỉ còn là phế tích, hoặc dấu ấn của nó được xác nhận bằng những dấu vết có niên đại trùng tu vào những thế kỷ sau, hoặc niên đại trùng tu vào những năm rất muộn. Trong những năm gần đây, cùng với sự tiến bộ của nhiều ngành khoa học, nhất là những ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn, công tác bảo quản và trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa đã thu được những kết quả tương đối khả quan. Một trong những ngành khoa học có những đóng góp tích cực trong việc phát hiện và trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa là ngành Khảo cổ thuộc khoa học Lịch sử. Có thể nói, trong những năm qua, ngành khảo cổ đã có những đóng góp đáng kể, làm phát lộ nhiều công trình kiến trúc cũng như nền móng các di tích kiến trúc tôn giáo như lăng tẩm, đình, đền, chùa, cung điện, đền tháp v.v..., giúp cho các nhà bảo tồn, bảo tàng có được cơ sở dữ liệu cần thiết làm cơ sở khoa học cho việc phục dựng lại các đơn nguyên kiến trúc đã bị sụp đổ, hiện nằm sâu và ngủ yên trong lòng đất rất nhiều năm qua các thời kỳ khác nhau. Ngoài ra, các cuộc khai quật khảo cổ học tại các di tích còn giúp các nhà khoa học hình dung và tạm thời nhận diện diện mạo các di tích cách chúng ta thậm chí nhiều trăm năm về trước mà tài liệu viết không ghi lại. Trong bài viết này, chúng tôi xin được giới thiệu một số công trình khai quật khảo cổ học trong thời gian qua đã làm phát lộ những đơn nguyên kiến trúc và di vật ở các di tích lịch sử - văn hóa tại thủ đô Hà Nội và một vài tỉnh khu vực phía Bắc.

1. Khảo cổ học với việc phát hiện dấu tích Hoàng thành Thăng Long

Như chúng ta đã biết, mùa thu năm Canh Tuất (1010), vua Lý Công Uẩn, sau khi lên ngôi đã hạ *Chiếu dời đô* từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. Kể từ đó, Thăng Long trở thành kinh đô của nước Đại Việt và đã từng rất phát triển vào các thế kỷ XI - XVI, dưới các triều đại Lý - Trần - Lê. Nhưng do nhiều nguyên nhân và những thăng trầm của lịch sử, ý niệm về kinh đô Thăng Long xưa gần như đã rất mờ nhạt và đi vào dĩ vãng. Những dấu tích của kinh đô xưa còn lại không nhiều và đã trở nên vô giá bởi chúng là bằng chứng về một kinh đô đẹp đẽ, tráng lệ, khiến cho chúng ta hôm nay không

thể không nghĩ tới việc đi tìm dấu vết để lại của người xưa và nếu có điều kiện thì phục dựng lại cho con cháu ngàn đời chiêm ngưỡng.

Theo *Việt sử lược* thì năm 1010, bình đồ Hoàng thành Thăng Long được vua Lý Thái Tổ xây dựng như sau: chính giữa là điện Càn Nguyên (sau đổi là điện Thiên An, sau nữa đổi là điện Kính Thiên); phía Đông có điện Tập Hiền và cửa Phi Long, phía Tây là điện Giảng Vũ và cửa Đan Phượng, phía Nam là Cao Điện, thêm Long Trì, hai bên có hành lang, phía Bắc điện Thiên An có hai điện Long An và Long Thụy. Cạnh hai cung điện này, phía Đông có điện Nhật Quang, phía Tây là điện Nguyệt Minh, sau nữa lại có cung Thuý Hoa. Ngoài ra, còn có chùa Hưng Thiên, lầu sao Ngũ Phượng (Ngũ Phụng tinh lâu). Năm 1011 xây tiếp cung Thái Thanh, chùa Vạn Tuế, nhà chứa kinh Trần Phúc (7, tr.70-74).

Dựa vào những trang dòng trên đây, chúng ta cũng chỉ biết được một số đơn nguyên kiến trúc của Hoàng thành Thăng Long dưới triều đại Lý (và cũng có thể vào thời Trần, thời Lê sau này) được xây dựng xung quanh điện Càn Nguyên. Chúng ta chưa biết tường tận các đơn nguyên kiến trúc trên đây được xây dựng như thế nào, bằng loại vật liệu gì và kết cấu nền móng của chúng ra sao? Và rộng hơn, nếu xây nhà dựa trên kết cấu cột khung gỗ thì mỗi toà nhà có bao nhiêu bộ vì kèo, khoảng cách giữa các cột cái, cột quân là bao nhiêu? Tóm lại là, toàn bộ dấu ấn về diện mạo của kinh đô Thăng Long thuở ấy nay không còn trên mặt đất. Điều này cũng có nghĩa rằng, muốn nhận diện được các đơn nguyên kiến trúc xưa, các nhà nghiên cứu buộc phải dựa vào tài liệu khảo cổ học. Và, người ta đã dày công đi tìm kiếm quá khứ của kinh đô dưới lòng đất. Cuộc tìm kiếm ấy được bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ 20 với nhiều cuộc khai quật được tiến hành ở Quần Ngựa, khu vực lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh... nhưng không thu được kết quả như mong muốn. Mãi cho tới năm 1998, các nhà khảo cổ mới được phép khai quật khảo cổ học ở khu vực xung quanh Hậu Lâu và Cửa Bắc (thuộc khu vực Thành cổ Hà Nội). Trong những cuộc khai quật này, người ta đã tìm thấy dấu tích các nền móng kiến trúc thời Lê chìm sâu dưới Bắc Môn thời Nguyễn.

Đặc biệt, nền móng của một số công trình kiến trúc ở phía Tây điện Kính Thiên đã được tìm thấy trong đợt khai quật khảo cổ năm 2002-2003 tại số 18 phố Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội. Cuộc khai quật khảo cổ có quy mô to lớn này đã làm phát lộ một phức hệ di tích - di vật rất phong phú, đa dạng để từ đó có thể dựng lại cả một chiều dài lịch sử liên tục qua nhiều triều đại của Thăng Long - Hà Nội.

Cũng tại di tích 18 Hoàng Diệu, các nhà khảo cổ đã làm phát lộ nhiều phế tích kiến trúc gồm nền móng, chân cột, từng đoạn đường gạch, trụ móng sỏi hoặc gạch ngói vụn có chức năng chống lún cho các chân cột gỗ lớn, cùng các hệ thống thoát nước, giếng nước, dòng sông, hồ cổ... Đây có thể coi là những chứng cứ vật chất thuyết phục để chúng ta có thể hình dung ra các quần thể kiến trúc cung điện thời đó. Điều đáng chú ý ở đây là, hệ thống nền móng kiến trúc tìm được ở khu di tích đều được xây dựng rất kiên cố, trong đó có kiến trúc khá lớn (nhiều gian) với diện tích hàng nghìn mét vuông, được suy đoán là kiến trúc của Hoàng thành Thăng Long thời Lý - Trần. Suy đoán này căn cứ vào vị trí của các đơn nguyên kiến trúc được phân bố khá gần điện Kính Thiên về phía Tây. Theo sử cũ thì các triều đại Lý - Trần - Lê đã cho xây dựng ở khu trung tâm quanh điện Càn Nguyên nhiều cung điện, lầu gác, chùa quán. Đây là nơi làm việc của triều đình, nơi ở, nghỉ ngơi và thưởng ngoạn của Hoàng gia. Vì vậy, những dấu vết tìm được ở đây có thể là những dấu tích các cung điện và lầu gác của Hoàng thành Thăng Long xưa. Ngoài những dấu vết về các phế tích kiến trúc, những người khai quật còn tìm được hàng vạn hiện vật ở đây. Đó là các loại vật liệu xây dựng như chân tảng hoa sen, các loại ngói, các loại tượng tròn và phù điêu trang trí hình rồng, phượng... đều mang tính biểu trưng cho kiến trúc cung đình; các loại đồ dùng bằng gốm sứ cao cấp với hoa văn tinh mỹ trong đó có những đồ sứ thời Lê Sơ ghi kí hiệu chữ "Quan", "Kinh" và trang trí hình rồng có chân 5 móng, hình chim phượng, chỉ rõ đó là đồ dùng dành riêng cho vua và hoàng hậu. Việc tìm thấy những đồ *ngự dụng* trên đây đã góp thêm một chứng cứ quan trọng chứng minh cho sự suy đoán của những người làm

công tác khai quật rằng dấu vết kiến trúc lớn ở khu vực khai quật là dấu tích những cung điện của Hoàng cung Thăng Long xưa.

Đặc biệt tại khu di tích 18 Hoàng Diệu, ở các hố khai quật phía Bắc khu A, trong các lớp đất ở độ sâu trung bình trên dưới 1,5m, các nhà khảo cổ đã làm xuất lộ những ô sỏi trộn lẫn đất sét. Sỏi ở đây khá thống nhất về kích thước, chỉ bằng hoặc to hơn đầu ngón chân cái, chứng tỏ đã có sự chọn lọc. Hiện vật thu được trong các lớp đất này được xác định có niên đại thời Lý. Các ô sỏi này thường có hình gần vuông, mỗi cạnh khoảng 1,30m và ăn sâu xuống các lớp dưới, dày trên dưới 1,00m. Điều này chứng tỏ đây là các hố đào có chủ ý để đầm - nhồi sỏi cuội với đất sét. Các ô sỏi cuội nói trên xuất hiện trong các hố từ A1 đến A11. Tổng cộng có tất cả 40 ô sỏi, xếp thành 4 hàng dọc. Đây chính là các hố sỏi gia cố các chân tảng đá kê dưới chân cột, có chức năng chống lún, đó chính là các móng trụ. Dựa vào khoảng cách giữa các móng trụ với nhau, có thể giả định rằng đây là phế tích của một kiến trúc có bộ khung chịu lực bằng gỗ với 4 hàng chân cột. Khoảng cách giữa cột quân với cột cái khoảng 3m; giữa cột cái với cột cái khoảng 6m. Từ Bắc xuống Nam đã xác định được 10 bộ vì, nghĩa là đơn nguyên kiến trúc này có 9 gian (hiện chưa thể khẳng định về số gian bởi dấu vết của kiến trúc này còn phát triển kéo dài về phía bắc, ngoài khu vực khai quật).

2. Khảo cổ học với việc phát lộ các phế tích kiến trúc đền tháp Chămpa

Việc phát lộ các phế tích kiến trúc đền tháp Chămpa cũng có công đóng góp lớn của khảo cổ học. Năm 1998, Viện Khảo cổ học và Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp khai quật phế tích tháp Khánh Vân thuộc thôn Khánh Vân, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi đã bóc đi một khối lượng lớn gạch đá đổ nát trên bề mặt và đào sâu xuống khoảng 2m - 3m, phần chân đế tháp đã hiện ra gần như nguyên vẹn, cho ta thấy đây là ngôi tháp tương đối lớn với phần nền có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh là 10m không kể phần lối ở cửa chính về phía mặt trời mọc và 2 cửa giả hướng về 2 phía Bắc, Nam.

Việc phát lộ phần nền có bình đồ hình vuông mỗi cạnh 10m cho phép chúng ta suy ra tỷ lệ chiều cao tương ứng của tháp này là từ 20m đến 24m, tức là tương đương với các tháp Chăm lớn nhất hiện đang tồn tại ở Khương Mỹ, Bằng An, Mỹ Sơn A1.

Những kết quả nghiên cứu sơ bộ từ cuộc khai quật phế tích tháp Khánh Vân đã khẳng định thêm cho giả thuyết về sự tồn tại của phong cách Chánh Lộ - một phong cách mới, một giai đoạn chuyển tiếp của phong cách Mỹ Sơn A1 sang phong cách Bình Định của nghệ thuật điêu khắc đền tháp Chămpa.

Đối với di tích thành cổ Châu Sa ở làng Châu Sa, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, năm 1988, qua một đợt khảo sát, T.S Lê Đình Phụng (Viện Khảo cổ học Việt Nam) đã phát hiện thêm một gong thành ở phía Tây. Như vậy với phát hiện này, thành cổ Châu Sa có hai gong thành gọi là cang cua nổi thành Nội với sông Trà Khúc. Người Chăm vốn vẫn rất giỏi thủy chiến cho nên họ thường xây dựng thành quách gần những con sông. Đặc biệt hơn, qua các đợt khai quật người ta đã tìm thấy ở đây nhiều loại gốm với các chủng loại của nhiều nền văn hoá khác nhau. Điều này cũng nói lên sự giao lưu thương mại giữa khu vực thành cổ với các khu vực khác qua mạng lưới giao thông thủy (3).

Năm 1993, các nhà khảo cổ học của Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi đã phát hiện ở địa điểm Núi Chối thuộc ngoại thành Châu Sa những tiểu phẩm Phật giáo có dạng như cút thờ của người Chăm bằng đất nung được sản xuất từ một khuôn in. Cút có kích thước nhỏ chạm nổi 6 hình người được chia làm 2 tầng. Tầng trên là 3 vị Phật Tam Thế ngồi tọa thiền trên tòa sen. Tầng dưới gồm 3 vị, ở giữa là Phật Thích Ca đang thuyết pháp, hai bên là hai đệ tử đứng hầu là Ananda và Kasyapa. Các tiểu phẩm Phật giáo này được tìm thấy trong lò nung dạng xếp đá ở ngoài trời của người Chăm. Sự xuất hiện các tấm đất nung có hình Phật ở khu vực ngoại thành Châu Sa được giả thiết rằng người Chăm ngoài tín ngưỡng đạo Blamôn còn tôn thờ cả đạo Phật và ở đây có thể đã từng tồn tại một trung tâm Phật giáo trong khoảng thế kỷ VIII- X.

Cũng vào năm 1993, các nhà khảo cổ học của Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục nghiên cứu và khảo sát thành châu Sa và đã phát hiện ra thành Ngoại của thành Châu Sa. Thành Ngoại được đắp bằng đất ở hai cạnh phía Đông và phía Tây, cạnh phía Bắc được đắp một đoạn ngắn, chỗ còn lại là dựa vào thế núi, cạnh phía Nam bỏ trống. Thành Ngoại phân bố trên một khu vực rộng lớn có tác dụng bảo vệ thành Nội. Sự phát hiện trên của khảo cổ học đã giúp các nhà nghiên cứu xác định lại vị trí, quy mô và kể cả việc định lại niên đại của thành cổ Châu Sa.

Ngoài ra, hiện còn rất nhiều di tích đền, tháp Chămpa đã được khảo cổ học khai quật làm phát lộ những chân nền móng kiến trúc lớn có trang trí như tháp An Mỹ ở thôn An Hoà, xã Tam An, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vào năm 2003, người ta đã khai quật khu đền tháp này và làm xuất lộ một nền móng lớn có trang trí áp tường, như một mandapa. Quan trọng hơn, các nhà nghiên cứu còn cho rằng An Mỹ phải nằm trong một khu đền tháp lớn.

Cách tháp An Mỹ 800m về phía Nam là tháp Chiên Đàn thuộc làng Chiên Đàn, xã Tam An, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Năm 2002, các nhà khảo cổ đã tiến hành khai quật tổng thể phía trước tháp, làm xuất lộ những nền móng kiến trúc phụ của khu tháp. Có thể nói đây là những chứng cứ khoa học chính xác để có thể phục dựng lại những đơn nguyên kiến trúc phụ thường hay đi cùng với những tháp chính trong kiến trúc đền tháp Chămpa.

Tháp Khương Mỹ thuộc làng Khương Mỹ, xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được các nhà Chămpa học xếp vào bước chuyển tiếp giữa hai thời kỳ lớn của nghệ thuật kiến trúc tháp Chămpa, từ dạng khối vuông khoẻ khoắn sang dạng hình thanh tú có các tháp nhỏ trang trí trên các tầng mái. Các lần khai quật khảo cổ ở đây đã làm xuất lộ một phần chân móng, cổ móng phía Nam tháp Nam và đã nhận thấy có rất nhiều hiện vật, các chi tiết điêu khắc áp tường quan trọng. Phần thân tháp có một số khu vực gạch bị xâm thực mạnh. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tháp đang bị phá huỷ do tác động của môi trường. Rất cần thiết phải xây dựng một đề án bảo tồn, tu bổ tổng thể cho cụm tháp này.

3. Khảo cổ học với những phát hiện ở khu di tích chùa Côn Sơn

Để phục vụ công tác trùng tu và nghiên cứu giá trị các di tích lịch sử - văn hoá ở khu vực phía Bắc, trong những năm gần đây, khảo cổ học cũng đã góp phần làm phát lộ một số lớp móng khác nhau của những lần trùng tu di tích chùa Côn Sơn thuộc xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Năm 1979 tại di tích này, các nhà khảo cổ học đã đào một hố khai quật với diện tích 10m², cách chân móng Thượng Điện 1,5m về phía Nam. Tầng văn hoá của hố khai quật dày 1,2m, có mẫu đất đen nhật lẫn nhiều gạch ngói. Có 3 lớp móng khác nhau của 3 thời kỳ tồn tạo di tích chùa Côn Sơn. Diễn biến địa tầng như sau:

- Tại độ sâu 0,4m, là dải móng kê đá chạy dài song song với chân móng của chùa cách toà Thượng Điện 2m; phía ngoài dải móng có đường dẫn nước chạy song song, xếp bằng gạch cỡ lớn 37cm x 20 cm x 0,5cm.

- Ở độ sâu 0,8m xuất hiện dải móng kê đá vững chắc chạy dài; lớp kê đá này dày 0,6m đến độ sâu 1,4m, chồng lên lớp kê đá thứ 3 ở độ sâu 1,5m- 1,7m.

- Lớp dải móng kê đá dưới cùng đặt trên lớp cát trắng thô khá ổn định, bị mất từng khoảng (chạy dài không liên tục). Dải móng kê đá này chạy song song với kiến trúc toà Thượng Điện hiện nay. Kết quả khảo cổ học trên cho thấy ở đây có 3 lớp móng khác nhau được tạo dựng bởi 3 thời kỳ tồn tạo di tích chùa Côn Sơn. Hiện vật thu được rất phong phú, chủ yếu là gạch, ngói, đồ đất nung trang trí. Đáng chú ý là 5 hiện vật ngói diềm trang trí hình trâu, bò và lá đề, phù điêu hình cá cách điệu; 16 hiện vật trang trí hình rồng, phượng, chim, cá, hoa sen, lá đề và 1 con uyên ương (vịt) đất nung...). Đây là hoa văn trang trí mang đặc trưng mỹ thuật thời Trần. Do đó có thể suy ra: dấu tích kiến trúc nền móng được xây dựng từ thời Trần (thế kỷ XIII- XIV) và các thế kỷ sau này.

Cuộc khai quật di tích chùa Côn Sơn lần thứ hai được thực hiện năm 2000. Lần này, các nhà khảo cổ học đã tiến hành khai quật ở nhiều điểm trong khu di tích. Tại khu Vườn tháp, vị trí khai quật ở phía dưới Giếng Ngọc, trên Ao Rùa, diện tích khai quật 80m². Kết quả thu được trên 2000 hiện vật gồm các loại hình khác nhau với nhiều thể loại như: gạch, ngói, mảnh gốm sứ, vật trang trí kiến trúc..., đặc biệt tại đây đã phát hiện được trên 300 viên ngói tráng men hoa nâu khá nguyên vẹn. Lớp dưới cùng có dấu vết kiến trúc là những dải đá kê móng xếp thẳng hàng, những vết tích cháy của than gỗ có thể là bộ khung mái cháy rơi xuống. Các di vật ở đây đều có niên đại thế kỷ XIII- XIV.

Hố khai quật phía sau nhà Tổ có diện tích 15m² (dài 7,5m, rộng 2m). Dấu vết kiến trúc tìm được là một dải móng kê đá của một công trình kiến trúc nằm ở độ sâu 0,6m. Hiện vật thu được gồm nhiều mảnh ngói, đồ gốm hoa nâu thời Trần, thế kỷ XIII- XIV.

Tại khu vực Thanh Hư Động ở thung lũng phía Tây Bắc núi Côn Sơn, sau khi phát dọn 2500m², đã xuất lộ hai nền kiến trúc có quy mô lớn được xây dựng tựa vào sườn núi Kỳ Lân, quay về hướng Đông, nhìn sang núi Ngũ Nhạc. Nền kiến trúc thứ nhất dài 11,8m, rộng 9m. Nền kiến trúc thứ hai dài 29m, rộng 1,5m. Các di vật thu được là gạch, ngói, mảnh đồ gốm, bát men nâu, đĩa, chân đèn men ngọc, lọ... có niên đại thế kỷ XIII-XIV. Trước nền có một dải kê đá dài gần 30m, mặt rộng 5,5m, có thể là dấu vết bờ kê chống sụt lở cho công trình kiến trúc.

Năm 2005, Viện Khảo cổ học và Ban Quản lý di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc tổ chức khai quật lần thứ 3 ở vị trí phía sau Thượng Điện, trước nhà Tăng với diện tích 56m² (dài 14m, rộng 4m), tầng văn hoá dày 1,2m - 1,3m với nhiều lớp khác nhau. Tầng văn hoá lớp thứ nhất cách mặt đất 30cm bị san ủi, hiện vật các thời bị xáo trộn. Lớp thứ hai dày 0,6m - 0,8m, phát hiện nhiều hiện vật như ngói, gạch, mảnh gốm sứ của nhiều loại hình. Lớp thứ ba ở độ sâu 0,9m - 1,3m có các hiện vật là gạch, ngói và gốm sứ. Đáng chú ý là giữa lớp hai và lớp ba có một

lớp cát màu trắng nhạt. Điều này cho ta thấy hai lớp văn hoá thuộc hai thời kỳ khác nhau. Toàn bộ hồ khai quật có 1490 hiện vật, trong đó: 49 viên gạch với nhiều loại hình khác nhau; 564 viên ngói của nhiều kích cỡ, có nhiều viên ngói tráng men trắng hoa nâu; 5 hiện vật đất nung được dùng để trang trí kiến trúc, trong đó có đầu đao kích thước lớn; đồ gốm sứ có 498 hiện vật gồm bát, đĩa, bình hoa, tước, chậu, bát hương; đồ sành có 374 hiện vật. Niên đại của lớp thứ 3 thuộc thế kỷ XIII- XIV; lớp thứ 1 và lớp thứ 2 thuộc thế kỷ XVII-XVIII.

Có thể nhận xét sơ bộ như sau: Qua 3 đợt khai quật khảo cổ học (1979, 2000, 2005), kết quả cho thấy từ thế kỷ XIII- XIV chùa Côn Sơn đã được xây dựng với quy mô lớn. Chùa đã được trùng tu, mở rộng vào các thế kỷ sau XVI, XVII, XVIII. Căn cứ vào địa tầng của các hồ khai quật, đặc điểm về dấu tích kiến trúc và hệ thống di vật, có thể bước đầu phân loại về địa tầng kiến trúc tại Phật điện chùa Côn Sơn như sau: Dải móng kiến trúc kê đá tự nhiên kích thước không đều, nằm sát lớp sinh thổ ở địa tầng có độ sâu từ 1,7m đến 1,3m là dấu tích kiến trúc thời Trần (thế kỷ XIII- XIV); Dải móng kiến trúc xây đá lẫn gạch chồng lên dải móng thời Trần, ở địa tầng từ 1,3m đến 0,9m thuộc lớp kiến trúc có niên đại muộn hơn (thế kỷ XVI- XVII); Dải móng kiến trúc ở địa tầng từ 0,9m đến 0,4m được mở rộng so hơn với nền móng kiến trúc ở các giai đoạn trước, chúng thuộc vào thời kỳ tôn tạo về sau này vào thế kỷ XVII- XVIII.

Như vậy là cứ sau mỗi lần trùng tu, chùa Côn Sơn lại được mở rộng hơn trước về diện tích, nâng dần độ cao so với độ cao cũ và các đơn nguyên kiến trúc mới bao giờ cũng có diện tích lớn hơn so với các đơn nguyên kiến trúc cũ. Điều này cũng phù hợp với quy luật phát triển chung của xã hội và đúng với nguồn sử liệu chữ viết trên minh văn của một số bia đá hiện nay vẫn còn được lưu giữ ở trong sân chùa Côn Sơn.

Qua những trang vừa dẫn ở trên, có thể thấy rằng, thế mạnh của khảo cổ học là có thể

lật giở từng trang sách có niên đại từ rất xa xưa để nghiên cứu lịch sử. Nguồn sử liệu vật thật vô cùng phong phú nhưng cũng rất dễ bị lãng quên và cũng không dễ gì khai thác, bởi vì chúng nằm sâu dưới lòng đất. Trong nhiều năm qua, khảo cổ học đã có những đóng góp đáng kể không những để xác định niên đại cho nhiều di tích, di vật mà còn làm phát lộ nhiều công trình kiến trúc cổ còn nằm sâu dưới lòng đất từ nhiều thế kỷ qua. Dựa vào kết quả nghiên cứu của Khảo cổ học các nhà quản lý di sản có thể phục dựng lại nhiều công trình kiến trúc cổ giống như bản thân nó đã có cách chúng ta hàng ngàn năm về trước. Những số liệu khoa học chính xác của khảo cổ học sẽ là căn cứ vào đó trùng tu các di tích lịch sử - văn hoá theo đúng những nguyên tắc trùng tu mà Ủy ban văn hoá của Liên hợp quốc đã khuyến cáo trong chương trình hành động của mình.

N.V.T

(PGS.TS, Khoa Di sản văn hóa)

Tài liệu tham khảo

1. Viện khảo cổ học (2006), *Hoàng thành Thăng Long*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
2. Đoàn Ngọc Khôi (1993), *Lý lịch di tích thành Châu Sa*, Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi.
3. Lê Đình Phụng (2008), *Di tích văn hoá Chăm pa ở Quảng Ngãi*, Tạp chí Cẩm Thành, số 32, tr. 22- 25.
4. Lê Đình Phụng (2005), *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc tháp Chăm pa*, Nxb Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.
5. Trần Bá Việt (2005), *Nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chăm pa phục vụ trùng tu và phát huy giá trị di tích*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
6. Nguyễn Khắc Minh (2009), *Khai quật chùa Côn Sơn*, Tạp chí Khảo cổ học, số 6, tr. 55- 63.
7. Trần Quốc Vượng (1960), *Việt sử lược* (bản dịch và chú giải), Nxb Sử học, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12/12/2012

Ngày phản biện, đánh giá: 28/2/2013

Ngày chấp nhận đăng: 26/4/2013